

HÀ LAN VỚI CUỘC CHIẾN TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP CỦA CÁC THUỘC ĐỊA ANH Ở BẮC MỸ (1775-1783)

LÊ THÀNH NAM

Khoa Lịch sử, trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Tóm tắt: Dựa vào nguồn tư liệu từ phía Mỹ, bài báo phân tích những mối liên hệ của Hà Lan với sự nghiệp đấu tranh giành độc lập của cư dân Mỹ. Đó là, một luồng thương mại vũ khí xuyên Đại Tây Dương được vận chuyển tới chiến trường Bắc Mỹ bởi thương nhân vùng đất thấp; sự hỗ trợ nguồn vay tín dụng của Hà Lan cho nền tài chính non trẻ của quốc gia vừa mới thành lập – nước Mỹ; sự đồng cảm của dư luận Hà Lan với những lý tưởng tiến bộ mà nhân dân Mỹ theo đuổi.

Từ khóa: Cộng hòa Hà Lan, cách mạng Mỹ, chiến tranh giành độc lập.

Là một sự kiện diễn ra bên ngoài lục địa châu Âu, chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ lôi cuốn sự quan tâm, chú ý của nhiều chính khách và dân chúng sở tại ở Cựu lục địa. Bởi đây là lần đầu tiên một cuộc nổi dậy do cư dân định cư ở Tân thế giới tiến hành; mặt khác, nó diễn ra tại địa bàn mà bấy lâu nay dưới nhãn quan của nhiều người châu Âu xem là khu vườn riêng dành cho việc khai thác thương mại. Hà Lan không nằm ngoài thông lệ đó. Bài viết làm rõ cách tiếp cận của Hà Lan đối với chiến tranh đang diễn ra ở Bắc Mỹ theo những cách thức rất riêng của cư dân và giới cầm quyền tại Vùng đất thấp.

1. NỖ LỰC TIẾP CẬN HÀ LAN TỪ PHÍA NHỮNG NGƯỜI MỸ CÁCH MẠNG

Cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ do đa phần các thế hệ con cháu có gốc gác từ châu Âu trong đó chủ yếu người Anh tiến hành. Nó là hệ quả tất yếu của hàng loạt chính sách, đạo luật mà giới cầm quyền London, với đại diện tư sản và quý tộc mới, triển khai tại các thuộc địa trong những thập niên 60 và 70 thế kỷ XVIII. Việc quân Anh tấn công vũ trang vào cư dân thuộc địa ở làng Lexington, ngày 19-4-1775, trở thành ngòi nổ cuộc chiến. Ba tuần sau sự kiện này, ngày 10-5-1775, tại Philadelphia, Đại hội lục địa lần thứ hai quy tụ những đại biểu có tư tưởng cấp tiến khắp từ các thuộc địa (ngoại trừ Georgia) được triệu tập trở lại nhằm vạch định phương hướng và kế hoạch tác chiến trong thời gian sắp tới.

Trong buổi đầu của cuộc chiến, một thực tế diễn ra trước mắt các đại biểu tham dự Đại hội lục địa cũng như đối với cư dân ở đây phải chứng kiến. Do phải gánh chịu những chính sách hết sức hà khắc cùng với sự phong tỏa của mẫu quốc, nền kinh tế - xã hội của 13 thuộc địa bị rơi vào tình trạng hỗn loạn. Đồng tiền do các thuộc địa phát hành bị mất giá nghiêm trọng, nạn lạm phát gia tăng với tốc độ phi mã. Cuộc sống của người dân sở tại bị đảo lộn. “*Một xe ngựa chở đầy tiền khó mua nổi một xe ngựa chở đầy lương thực, thực phẩm*” [12, tr.6]. Tình trạng “*nông dân và thương gia thích đổi hàng*

lấy vàng bạc của lính Anh hơn so với tiền giấy của Đại hội lục địa và các bang phát hành” [4 tr.75] không phải chuyện hy hữu. Điều này kéo theo việc mua sắm đạn dược, trang bị khí tài trở nên chật vật, thiếu thốn. Tháng 7-1775, cơ quan Ủy ban An toàn New York (The New York Committee of Safety) đã phàn nàn rằng: *“Chúng tôi (cư dân Bắc Mỹ - TG chủ thích) không có vũ khí, chúng tôi không có thuốc súng, chúng tôi không có quân trang; Ông Chúa, hãy gửi cho chúng tôi tiền, khí giới và đạn dược”* [5, tr.23]. Hay như vị Tổng tư lệnh quân đội cách mạng, G. Washington thừa nhận trong dịp lễ Nôen (12-1775): *“Sự túng thiếu thuốc súng là không thể tưởng tượng được, sự lãng phí một ngày và không có nguồn cung cấp là viễn cảnh ảm đạm”* [7, tr.33]. Hiện tượng đào ngũ không chỉ diễn ra trong quân đội chính quy do G. Washington chỉ huy mà ngay cả dân quân địa phương. Tình hình trên đây đặt ra thách thức không nhỏ cho những người muốn thoát ly hoàn toàn khỏi chính quốc, cản trở mục tiêu của lực lượng cách mạng.

Để giải cứu cho tình thế cấp bách cũng như phục vụ chiến đấu lâu dài, không ít đại biểu tham dự Đại hội lục địa đặt ra khả năng tìm kiếm nguồn lực hỗ trợ từ bên ngoài phạm vi đế chế Anh mà trước hết về mặt tiền bạc. Dưới sự dẫn dắt ý kiến của Richard Henry Lee (thuộc địa Massachusetts) và Samuel Adams (Virginia), cơ quan này muốn hướng đến các quốc gia phía bên kia bờ Đại Tây Dương, tức châu Âu lục địa, nơi có nhiều quốc gia giàu có và những ông chủ kết sắt hậu hĩnh. Bị lôi cuốn bởi nhận thức như vậy, Đại hội lục địa kỳ vọng tới *“Hà Lan, nơi có nhiều ông chủ nhà băng châu Âu..., mà có lẽ đảm bảo một nguồn vốn vay bức thiết”* [1, tr.41]; trong đó, Amsterdam được coi là *“thị trường tiền tệ của châu Âu với việc cho vay một cách trực tiếp hoặc gián tiếp”* [2, tr.126], bởi *“uy tín và sự giàu có của nhà băng này đã bao trùm và chi phối nhiều quốc gia châu Âu và nhiều tổ chức kinh tế khác ở trong và ngoài nước”* [9, tr.80].

Ngày 29-11-1775, Đại hội lục địa thành lập *“Ủy ban liên lạc bí mật”* với mục đích kết nối những người bạn ở Cựu lục địa có mối quan tâm tới sự nghiệp cách mạng của người Mỹ da trắng. Tháng 3-1776, cơ quan này cử Silas Deane với tư cách đại diện thương mại tới nước Pháp - một quốc gia láng giềng với Hà Lan, địa điểm mà nhiều chủ nhà băng Amsterdam thường xuyên lui tới để vận động nguồn hỗ trợ tín dụng. Không lâu sau đó, Alexander Foster, William Hodge¹ lần lượt được cử tới Amsterdam và Rotterdam. Ngoài ra, để mở đường cho việc tiếp cận chính giới Hà Lan một cách dễ dàng, bằng mối liên hệ cá nhân do từng nhiều năm sinh sống tại châu Âu, B. Franklin viết thư cho người bạn của ông tại The Hague – Charles William Frederick Dumas, nhờ nhân vật này giới thiệu Silas Deane với giới tài chính và thương gia Amsterdam. Ngoài ra, C.W. F. Dumas cung cấp các địa chỉ của công ty sở tại để đại diện ngoại giao Mỹ tiện liên hệ giao dịch. Hệ quả, những cuộc tiếp xúc giữa đại diện ngoại giao nước Mỹ cách mạng với William Carmichael diễn ra tại Paris. Với nỗ lực cá nhân và uy tín bản thân, W. Carmichael thúc giục thương gia Hà Lan đầu tư thương mại vào Bắc Mỹ, kêu gọi cư dân sở tại ủng hộ sự nghiệp của người Mỹ da trắng, tạo điều kiện cho nước Mỹ cách mạng đàm phán với các chủ ngân hàng về khoản tín dụng ưu đãi.

¹ Đây là hai thương gia người Mỹ đang làm ăn và sinh sống tại London, có thiện cảm với cách mạng Mỹ.

Khi cuộc vận động của W. Carmichael đang tiến hành, tin tức quân đội G. Washington chỉ huy bị thất bại trước quân Anh trong trận Long Island (8-1776) lan truyền tới Hà Lan. Sự kiện này khiến cho chủ nhà băng tại đây cảm thấy bất an một khi dự án của họ được khởi động. Sự mạo hiểm đầu tư khoản ngân quỹ của giới tài chính mang tới rủi ro. Vì vậy, một khoản vay tín dụng như kỳ vọng của đại diện ngoại giao Mỹ tại Hà Lan bị để ngỏ.

Một thực tế lịch sử khác tác động không nhỏ tới cuộc vận động ủng hộ tài chính cho cách mạng Mỹ. Tại châu Âu, giới cầm quyền phong kiến của các quốc gia đang chuẩn bị tham chiến hoặc trong tình trạng chiến tranh dưới danh nghĩa quyền thừa kế di sản đối với một quốc gia khác. Cụ thể là cuộc chiến tranh Thừa kế Bavaria (1778 - 1779)², chiến tranh phân chia Ba Lan (1772)³. Để theo đuổi mục tiêu, bên cạnh việc huy động nguồn lực nội bộ quốc gia, các triều đình quân chủ cử những đại diện ngoại giao của họ đi vay mượn tiền bạc khắp nơi. Với tư cách những trung tâm tài chính châu Âu đương thời, Amsterdam và Rottedarm không nằm ngoài điểm đến của họ. Tại đây, sự hiện diện đông đảo của những vị công sứ xúc tiến đàm phán vay mượn với những chủ nhà băng. Cảnh tượng “*người đi vay nhiều hơn so với người cho vay*” diễn ra tập nập. Do phải cạnh tranh để giành lấy nguồn tín dụng, họ không ngừng nâng tỉ lệ lãi suất hấp dẫn đối với chủ tín dụng. Những đề nghị lãi suất của các vị sứ thần châu Âu thường cao hơn nhiều so với người Mỹ. Điều này gây khó khăn cho bất kỳ đại diện ngoại giao nào của nước Mỹ cách mạng muốn đạt mục đích. John Adams, trong nhật ký viết vào mùa thu năm 1778 đã mô tả cảnh tượng này, như sau: “*Tiền tệ không thể lôi cuốn quá nhiều đối với chúng ta, càng suy nghĩ tới nó, chúng ta sẽ bị thuyết phục bởi nguồn thuế, thuế trở nên ám ảnh và thâm sâu, là điều chắc chắn duy nhất và phương thức cứu chữa kéo dài. Nguồn vốn vay tại châu Âu sẽ khó khăn để giành lấy. Các cường quốc trong tình trạng chiến tranh hoặc bên bờ vực chiến tranh có nhiều yêu cầu khổng lồ và đưa ra những điều khoản tốt hơn nhiều so với chúng ta, không có bất cứ điều nào ngoại trừ lòng nhân từ hoàn toàn đối với sự nghiệp của chúng ta có thể thúc đẩy bất cứ cá nhân nào cho chúng ta vay mượn. Ngoài ra, một nguồn nợ khổng lồ sẽ khiến rủi ro lớn so với tiền tệ bằng giấy, những thứ theo như tôi biết*” [6, tr.77]. Những kỳ vọng của Đại hội lục địa về một khoản vay tại vùng đất thấp bị để ngỏ. Nỗ lực tiếp cận Hà Lan theo ý muốn chủ quan của người Mỹ cách mạng hoàn toàn bị phá sản.

2. HÀ LAN VỚI CUỘC CHIẾN TRANH DIỄN RA Ở BẮC MỸ

2.1. Trung gian vận chuyển nguồn khí tài quân sự cho cư dân Bắc Mỹ trong cuộc chiến đấu với quân Anh

Trong khi một khoản vay mượn còn khá xa vời thì tại chiến trường Bắc Mỹ, để cầm cự trong cuộc chiến đấu lâu dài, nhiều cư dân Mỹ có tư tưởng cấp tiến mang theo sản vật địa phương, như: thuốc lá, chàm, đay, gai... tới quần đảo Antilles nằm trong vùng biển

² Cuộc chiến tranh giữa Phổ một bên với bên kia bao gồm: Áo, Nga, Thụy Điển, Saxony. Trong cuộc chiến tranh này, nước Pháp dù không trực tiếp tham chiến nhưng lại hậu thuẫn cho Áo hoàng.

³ Hai quốc gia theo đuổi cuộc chiến này là Áo và Nga.

Caribbean, nơi có nhiều thuộc địa của Hà Lan (St. Eustatia, Curacao, Bonaire, Aruba, Saba và St. Martin) dồi dào khí giới, đạn dược. Tiên phong trong hoạt động này là Abraham van Bibber, một đại diện của thuộc địa Maryland. Nắm bắt nhu cầu cùng với việc theo dõi chiến sự đang leo thang ác liệt, thương gia Hà Lan sinh sống và làm việc cho nhiều chi nhánh của Công ty Tây Ấn tại quần đảo Antilles xem đây như cơ hội mở rộng kinh doanh; mặt khác, xuyên phá tình trạng độc quyền thương mại tại thị trường Bắc Mỹ mà bấy lâu nay nằm dưới sự thao túng của thương nhân Anh. Do đó, cư dân trên các đảo thuộc Hà Lan nhanh chóng truyền tải tin tức này về chính quốc.

Là một trong giới thương nhân có tiếng năng động khắp châu Âu và tầm ảnh hưởng trong hoạt động thương mại tại “*vùng đất thấp*”, thương nhân Amsterdam nhạy bén trước thời cuộc. Đối với họ, chiến tranh ở Bắc Mỹ trở thành kênh sinh lợi, gia tăng khối tích tụ tài sản tư bản. Họ thu mua, gom hàng và cất giấu các mặt hàng tại các hải cảng chờ tàu vận chuyển sang Tân thế giới. Mặt khác, để làm cho công việc kinh doanh thuận lợi, thương nhân Amsterdam còn liên kết với những chủ tàu ở thành phố Haarlem và Dordrecht. Điểm đến của những chuyến hàng là đảo St. Eustatia, nơi “*hàng hóa được phân loại theo một cách kỹ lưỡng nhất, được nhanh chóng tiêu thụ bởi các đại diện Mỹ*” [8, tr.687]. Tháng 8-1774, một hãng buôn của thương gia Amsterdam vận chuyển thuốc súng tới Bắc Mỹ bằng phương thức nói trên. Theo dòng thời gian, số lượng tàu hàng chở thuốc súng, đạn dược khởi hành từ Amsterdam tới St. Eustatia ngày càng nhiều. Tính từ ngày đầu tiên đến giữa tháng 5-1776, không dưới 18 chuyến tàu mang quốc tịch Hà Lan cập bến ở đây [3, tr.120].

Tình trạng này không tránh khỏi sự theo dõi, trình thám của giới chức Anh. Dưới nhãn quan chính quyền London, hành động lái súng của thương nhân Amsterdam là trái phép, đi ngược lại đường lối đối ngoại trung lập mà Quốc trưởng, Nghị viện Hà Lan theo đuổi; mặt khác can thiệp vào công việc nội bộ để chế Anh. Người phụ trách đối ngoại Hoàng gia Anh, hầu tước Lord Suffolk nhiều lần gửi công hàm cho cấp dưới của mình tại The Hague, đại sứ Joseph Yorke, yêu cầu nhà đương cục Hà Lan “*thực thi các biện pháp thích hợp trong việc ngăn cản công dân các tỉnh Liên hiệp (United Provinces)⁴ xuất khẩu vũ khí và đạn dược phục vụ chiến tranh tới vùng Tây Ấn*” [6, tr.25]. Trước áp lực từ phía chính quyền Anh, ngày 20-3-1775, Nghị viện Hà Lan (States General) ban sắc lệnh trong đó nhấn mạnh: “*Tất cả việc xuất khẩu súng đạn, thuốc súng, đại bác chuyên chở trên thương thuyền trong phạm vi lãnh thổ phụ thuộc Anh bị ngăn cấm một cách tạm thời trong thời hạn sáu tháng với tiền nộp phạt không chỉ tịch thu súng ống và đạn dược được tìm thấy trên thương thuyền mà còn thuyền trưởng phải nộp số tiền*

⁴ Một trong những tên gọi của Hà Lan vào thời điểm này. Sau khi cách mạng tư sản thành công, Hà Lan theo đuổi mô hình nhà nước cộng hòa. Nó bao gồm 7 tỉnh phía Bắc - có nguồn gốc từ Liên minh Utrecht (1579) trong thời kỳ cách mạng: Holland, Zealand, Utrecht, Guelderland, Overijssel, Groningen và Friesland. Trong các tỉnh này, tỉnh Holland chiếm giữ vị thế quan trọng trên lĩnh vực kinh tế, tài chính, chính trị... Vì vai trò của nó, người Hà Lan đương thời thường lấy danh xưng Holland (tiếng Việt đọc là Hà Lan) làm tên gọi cho liên hiệp 7 tỉnh. Tên chính thức của Hà Lan hiện nay là Netherland, nghĩa là vùng đất thấp.

1.000 guilders, thương thuyền của ông có thể bị tịch thu trong trường hợp không có tiền nộp phạt. Đối với việc vận chuyển những thứ hàng hóa đó trên những thương thuyền khác, bao gồm cả Hà Lan, phải được phép đồng ý bởi bộ chỉ huy hải quân” [6, tr.26]. Theo chu kỳ 6 tháng, cơ quan lập pháp gia hạn tính hiệu lực của sắc lệnh cũng như bổ sung những điều khoản quy định phát sinh từ tình hình thực tế.

Để tránh sự theo dõi của nhà chức trách địa phương, sự săn lùng của hải quân Anh, thương nhân Amsterdam chất khí giới, đạn dược lên boong tàu quá cảnh sang các hải cảng của nước Pháp, bởi một khi hàng hóa của họ xâm nhập vào đây trên danh nghĩa trở thành hàng hóa của Pháp. Chúng sẽ được hải quân Pháp hộ tống, bảo vệ. Theo điều tra của đại sứ Anh – J. Yorke, tại The Hague, liên tiếp trong hai ngày của tháng 4-1776, có 850 thùng hoặc 85.000 pound thuốc súng được chuyển từ Amsterdam tới Pháp [6, tr.39]. Từ đây, các tàu buôn quốc tịch Hà Lan dễ dàng vượt đại dương tới vùng biển Caribbean. Một ngã đường khác cũng trở thành tuyến thương mại vận chuyển tới Tân thế giới, tàu buôn Hà Lan chở súng đạn tới bờ biển châu Phi, sau đó rẽ ngả sang vùng Tây Ấn.

Có một thực tế là, xung đột giữa quân đội Anh với các thuộc địa càng diễn ra ác liệt đồng nghĩa với tỉ lệ thuận nhu cầu gia tăng khí tài quân sự. Do vậy, tần suất luân chuyển khí giới đảm nhận bởi tàu thuyền Hà Lan tới chiến trường Bắc Mỹ trở nên dày đặc, đông đảo. Trong thời gian 1778-1779, có 3.182 thương thuyền Hà Lan tới đảo St. Eustatia. Đổi lại, 12.000 thùng thuốc lá, 1.500.000 ounce chàm có xuất từ Bắc Mỹ vận chuyển tới đảo để lấy vật tư chiến tranh, hàng hóa khác từ châu Âu sang [8, tr.686]. Điều cần phải chú ý rằng, bất chấp sự cấm đoán gắt gao của chính quyền trung ương, sự tuân thủ dày đặc của lực lượng hải quân Anh nhưng số lượng tàu buôn của Hà Lan có mặt tại St. Eustatia vẫn không hề giảm sút. Nguyên nhân thúc đẩy tình trạng là do lãi suất trong buôn bán rất lớn. Theo ước tính, thuốc súng tại thị trường Hà Lan chỉ với giá 40-42 florin/pao nhưng tại đảo St. Eustatia là 240 florin/pao [8, tr. 688]. Trong nhiều trường hợp, nguồn lãi kiếm được của thương nhân Hà Lan lên tới 120% [6, tr.39]. Vì lợi nhuận lớn, thuốc súng được ngụy trang trong những thùng đựng chè, gạo... để qua mặt lực lượng chức năng, đồng thời kích thích lòng tham của những kẻ muốn phát lên nhanh chóng. Bất chấp rủi ro trong quá trình vượt đại dương, sự thiệt hại có thể chiếm tới 2/3 tổng số mặt hàng nhưng nguồn lãi thu được vẫn hết sức đáng kể [3, tr.122]. Gia tộc Crommelin với đội ngũ nhân lực hùng hậu tham gia vào lĩnh vực này.

Trong một diễn biến lịch sử khác, nhất là khi cuộc chiến tranh Anh-Pháp nổ ra (6-1778) và lan rộng, những chuyến hàng vận chuyển khí giới của các bên tham chiến chở tới Tây Ấn ngày càng nhiều, thương nhân Hà Lan trên đảo vươn ra các quần đảo thuộc sở hữu của Pháp (Martinique, Antigua), Anh (St. Christopher) nằm trong vùng biển Caribbean để buôn lậu thuốc nổ. Issac van Dam, thương nhân sinh sống trên đảo St. Eustatia tới Martinique và Antigua chở hơn 4.000 pound thuốc súng. Số hàng này chuyển tới North Carolina bởi một chủ thuyền Virginia. Ngoài ra, dưới danh nghĩa thương gia quốc tịch Pháp, Issac van Dam còn gửi 2.000 bảng Anh về nước Pháp để mua thuốc súng cung cấp cho chiến trường Bắc Mỹ. Một thương nhân khác, Harrison chở từ Martinique về St.

Eustatia khoảng 6.000 pound thuốc súng, sau đó vận chuyển thêm 14.100 pound. Trong tổng số thuốc súng do Harrisson đảm nhận, 10.000 pound chuyển tới Charleston, số còn lại gửi tới Philadelphia [8, tr.688]. Sau đó, một thương thuyền đơn lẻ đã xuất khẩu 49.000 pounds bột súng khởi hành tại St. Eustatia tới Bắc Mỹ. Thời gian càng đi tới, theo ghi nhận của chính quyền Anh, St. Eustatia trở thành “*thị trường duy nhất tối quan trọng nuôi dưỡng cuộc nổi loạn*” [6, tr.39]. Đồng thời, hòn đảo là điểm gặp gỡ an toàn nhất, nhanh chóng nhất của những đại diện ngoại giao quốc tế mà có mối liên hệ với Đại hội lục địa và những nhân vật cấp cao trong cơ quan đó.

Là dân tộc sinh sống dựa vào biển khơi, người Hà Lan trở nên thông thạo, lành nghề trong lĩnh vực hàng hải. Bằng kinh nghiệm tích lũy qua nhiều thế hệ, Hà Lan sở hữu những đội thuyền trọng tải lớn với số lượng đông đảo, chuyên chở thuê hàng hóa cho các quốc gia khác. Người đương thời ví, đội tàu buôn này là “*Người đánh xe ngựa trên mặt biển*”, “*Người chở hàng trên đại dương*”. Cuộc chiến trong nội bộ để chế Anh nhanh chóng tạo ra cơ hội cho quốc gia có hiềm khích, thù địch với chính quyền London tiến hành biện pháp trả đũa. Pháp là một trong những quốc gia như vậy. Để tiếp viện cho quân đội cách mạng Mỹ, tránh sự theo dõi của nước Anh, triều đình Versailles phải nương nhờ phương tiện chuyên chở trung gian. Những đội thương thuyền Hà Lan vận chuyển bí mật hàng hóa và khí giới tới Bắc Mỹ trên những tuyến đường thương mại đại dương khác nhau. Trong thời gian 1776-1777, thời điểm nước Pháp đứng ngoài cuộc chiến diễn ra phía bên kia Đại Tây Dương – tức vị trí trung lập, một tỷ lệ đáng kể thuốc súng và các nguồn hàng hỗ trợ của triều đình Versailles đến với quân đội G. Washington do đội thương thuyền quốc gia láng giềng nước Pháp đảm nhận [3, tr.120].

Mạo hiểm hơn, có không ít thương gia Amsterdam vượt biển Bắc (North Sea) sang tận nước Anh mua sắm vật tư quân sự. Thậm chí, những chủ hàng núp dưới danh nghĩa công dân Anh thâm mua vũ khí tại thị trường London. Sau đó, họ cải trang các món hàng bằng nhiều hình thức khác nhau, chất lên tàu khởi hành tới Tây Ấn. Từ đây, với sự điều phối của mạng lưới cơ sở, hàng hóa thâm lậu một cách trái phép tới thị trường Bắc Mỹ. Trong khi đó, nguồn thương mại xuyên đại dương do thương nhân Anh điều hành suy giảm đáng kể. Tình trạng này khiến chính quyền London buộc phải hạn chế bằng việc “*bảo hiểm hàng hóa và tàu bè có thời điểm lên tới 35%, đối với hàng hóa có xuất xứ từ Anh để tới Tây Ấn là hoàn toàn cấm*” [6, tr.38].

Sự tiếp nhận vũ khí đạn dược không chỉ diễn ra một chiều, tức từ châu Âu sang Bắc Mỹ, mà còn diễn ra theo chiều ngược lại. Trong những năm đầu tiến hành chiến tranh cách mạng, không ít thương thuyền của thương gia nước Mỹ non trẻ liêu lĩnh mang theo nhiều mặt hàng mà thị trường Hà Lan cần tới để đổi lấy phương tiện chiến tranh. Chúng cập bến tại Texel - hòn đảo nằm ngoài khơi bờ biển Hà Lan, để tiện giao dịch. Ngoài ra, thương nhân Mỹ tiến hành dỡ hàng tại các hải cảng nằm trong lãnh hải của Pháp và Tây Ban Nha, để trao đổi với những mặt hàng trái phép do thương nhân Hà Lan chở đến. Thậm chí, những thành viên trong đội tàu buôn của Boston (Mỹ) đến tận Amsterdam, lưu trú ở đây một thời gian dài để mua vũ khí.

Cần phải thấy rằng, nền thương mại buôn bán khí giới trong buổi đầu chiến tranh giữa Anh với các thuộc địa Bắc Mỹ mang lại sự khởi sắc, phát đạt trở lại cho nền hàng hải Hà Lan vốn ảm đạm một thời gian dài trước đó trong quan hệ buôn bán ở khu vực Tây Ấn. Những chủ tàu ở Amsterdam, Haarlem và Dordrecht thu lãi cao. Họ đóng góp một khoản ngân sách không hề nhỏ cho tỉnh Holland. Một tỉnh đóng vai trò đầu tàu kinh tế của “*Liên minh 7 tỉnh phía Bắc*” kể từ sau cách mạng tư sản. Đánh giá về vấn đề này, sử giả Friederic Elder viết: “*Không ngạc nhiên rằng thương mại và hàng hải Hà Lan đạt đến mức hoàng kim trong thời kỳ cách mạng Mỹ điều mà chưa bao giờ đạt được trước đó*” [6, tr.38]. Ngược lại, đối với cách mạng Mỹ, qua trung gian người Hà Lan, những khí tài quân sự hiện đại, nguồn thuốc nổ cung ứng dồi dào được chuyển tận tới doanh trại quân nhân của những người Mỹ da trắng giúp việc tác chiến đối phương một cách hiệu quả. Nó giải quyết dứt điểm tình trạng khan hiếm vật tư chiến tranh. Những chiến thắng của quân đội cách mạng đến liên tiếp, như: Saratoga (10-1777), Cowpens (1-1781)... như một hệ quả tất yếu.

2.2. Hỗ trợ quân sự từ xa và các khoản vay tín dụng cho người Mỹ cách mạng

Trong khi luồng thương mại khí tài châu Âu không ngừng chuyển tới chiến trường Bắc Mỹ qua trung gian của thương nhân “*vùng đất thấp*”, một sự kiện quốc tế có tác động tới hoạt động mậu dịch hàng hải này. Ngày 6-2-1778, chính phủ Pháp đứng về phía cư dân Mỹ, hình thành liên minh chống lại nước Anh. Dưới nhãn quan của chính quyền London, động thái này được xem như một thách thức. Hệ quả là, tháng 6-1778, Anh tuyên chiến với Pháp. Theo quy định của Hiệp ước Westminster, ngày 3-3-1678, được ký kết giữa chính quyền London với chính quyền The Hague, xác nhận “*nghĩa vụ hỗ trợ lẫn nhau và phòng thủ với tất cả những quyền lợi của mỗi bên cả trên đất liền lẫn trên đại dương trong trường hợp một bên bị tấn công và cam kết mỗi bên chống lại nền hòa bình, ngừng bắn và hưu chiến riêng rẽ*” [3, tr. 64]. Chiến tranh nổ ra, giới cầm quyền London liên tục gửi công hàm yêu cầu nhà đương cục Hà Lan cần có biện pháp tương hỗ. Nói cách khác, Hà Lan phải đứng cùng với Anh trong chiến tuyến chống lại nước Pháp.

Để suy giảm tiềm lực hải quân của đối phương, chính phủ Anh tăng cường xiết chặt hoạt động khám xét, bắt giữ các tàu hàng của các quốc gia khác lưu thông trên mặt biển, bao gồm cả thương thuyền trung lập. Điều này xuất phát từ việc giới chức quân sự Anh lo ngại rằng, thương thuyền của các quốc gia trung lập có thể vận chuyển vật tư quân sự cho Pháp hoặc tiếp tế hàng hóa tới các địa điểm diễn ra chiến sự. Những vùng lãnh hải tiếp giáp với bờ biển Đại Tây Dương và vùng biển Tây Ấn nằm trong tầm theo dõi của hải quân Anh. Tàu buôn quốc tịch Hà Lan là một trong những đối tượng mà hải quân Anh hướng tới. Tháng 7-1778, tức một tháng sau khi chiến tranh bùng nổ, thủy thủ Anh bắt đầu triển khai săn lùng, truy đuổi tàu thuyền Hà Lan tại eo biển Manche và những nơi khác. Ngày 5-8-1778, chỉ thị của Hải quân hoàng gia Anh cho phép hạm đội hậu thuẫn các tàu thuyền dưới danh nghĩa cướp biển tấn công các tàu hàng di chuyển đại dương. Tháng 9-1778, số tàu thuyền thuộc chủ sở hữu “*vùng đất thấp*” bị khám xét, bắt giữ là 29; tháng 10 cùng năm, con số này lên tới 42 chiếc [3, tr.139]. Chiến sự giữa Anh – Pháp càng leo thang, hoạt động bắt giữ của hải quân Anh càng gắt gao theo thời gian.

Là dân tộc vốn được nuôi dưỡng bởi biển khơi, hoạt động mậu dịch hàng hải giữ vai trò then chốt trong sự tồn tại của dân chúng cho nên động thái của hạm đội Anh đã giáng một đòn chí tử vào lợi ích của Hà Lan, nhất là đối với thương gia Amsterdam. Họ liên tiếp gây áp lực với Nghị viện Hà Lan, buộc cơ quan này vận động các tỉnh trong Liên hiệp phê chuẩn đạo luật hộ tống nhằm bảo vệ công việc kinh doanh. Trong khi đó, mỗi sự chuyển biến của tình hình chiến sự Bắc Mỹ nhanh chóng cập nhật hàng ngày trên mặt báo. *“Cư dân Hà Lan nói chung theo dõi với sự quan tâm những khó khăn của cư dân Mỹ cho sự nghiệp tự do, họ nhìn thấy cuộc đấu tranh đó tương tự như cuộc đào ngũ của bản thân họ ra khỏi đế chế Tây Ban Nha”* [6, tr.15]. Dư luận sở tại thấu hiểu mục tiêu cao cả bản Tuyên ngôn độc lập mà người Mỹ theo đuổi, bày tỏ mỗi thiện cảm với sự nghiệp tiên bộ của cư dân da trắng. Dưới nhãn quan của đa số dân chúng: *“Nền độc lập của các thuộc địa Anh sẽ mở ra cho họ nguồn thương mại và của cải mới. Người Hà Lan luôn luôn quan sát một cách tỉ mỉ về cuộc đấu ở lục địa châu Mỹ, bản thân họ sở hữu một lượng tài sản đáng kể ở Bắc Mỹ, nơi mà phần lớn dân tộc của họ vẫn tiếp tục sống, duy trì phong tục và tôn giáo của các tỉnh Liên hiệp. Tại Hà Lan, dân chúng ở đây sẵn sàng giúp đỡ những người có quan hệ họ hàng ở Bắc Mỹ, những người mà sẵn sàng tái thống nhất bản thân họ với mẫu quốc”* [6, tr.21]. Chính luồng dư luận tiên bộ khiến cho những chính khách trong hệ thống bộ máy nhà nước cộng hòa thẩm nhuần tư tưởng tiên bộ, nguyên tắc chính trị của cuộc đấu tranh đang diễn ra trong nội bộ đế chế Anh. Điều tất yếu, họ hình thành phe nhóm ủng hộ cách mạng Mỹ. Đi đầu là van der Capellen van de Poll, một quan chức của tỉnh Overijssel. Họ gửi kiến nghị lên Quốc trưởng, Nghị viện thực thi các biện pháp cần thiết.

Trước phản ứng của dư luận, nhà đương cục The Hague phải tính tới phương án bảo vệ lợi ích quốc gia. Bằng chứng là, giới chức Hà Lan một mặt khước từ lời đề nghị của chính quyền Anh, với lý do: *“Chiến tranh hiện tại (tức xung đột giữa Anh và Pháp – TG chú thích), có nguồn gốc từ châu Mỹ và do đó đồng minh không có nghĩa vụ trách nhiệm hỗ trợ bởi vì điều đó chỉ áp dụng duy nhất trong cuộc chiến tranh tại châu Âu có liên quan tới nước Anh”* [5, tr.36]; mặt khác, dự tính sẵn sàng tham gia tổ chức Liên minh trung lập vũ trang (The Armed Neutrality) vốn hình thành trước đó không lâu (11-3-1780) do Nga, Đan Mạch và Thụy Điển khởi xướng. Mục đích sâu xa của chính quyền The Hague muốn dựa vào tổ chức này để cân bằng sức mạnh hàng hải, đủ sức đương đầu với hải quân Hoàng gia Anh, giúp hộ tống những tàu buôn vượt đại dương mà trọng tâm tuyến thương mại xuyên Đại Tây Dương, tới vùng biển Caribbean – nơi tiếp giáp với chiến trường Bắc Mỹ.

Những động thái nêu trên của Hà Lan khiến cho chính quyền London không hài lòng. Quan hệ giữa Anh – Hà Lan trở nên xấu đi. Khi tình trạng này chưa được giải tỏa, ngày 13-9-1780, tàu chiến Anh bắt giữ thương thuyền quốc tịch Mỹ đang trên đường tới Hà Lan. Chiếc tàu mang theo tập tài liệu chứa nội dung hiệp ước sơ bộ giữa Hà Lan với lực lượng nổi dậy Bắc Mỹ. Dưới nhãn quan của chính quyền London, đây được xem như bằng chứng cho thấy giới cầm quyền The Hague tiếp xúc bí mật với lực lượng nổi dậy Bắc Mỹ. Nhiều công hàm ngoại giao của Anh với thái độ giận dữ gửi tới Nghị viện các tỉnh Liên hiệp.

Bị vây trước sức ép dư luận trong nước cũng như từ phía bên ngoài, tức nước Anh, ngày 20-11-1780, Nghị viện Hà Lan phê chuẩn việc gia nhập Liên minh trung lập vũ trang. Hành động này đẩy quan hệ Anh – Hà Lan leo thang, tạo bước ngoặt trong quan hệ hai nước, khiến Anh phải tuyên chiến. Tháng 12-1780, chiến tranh giữa Hà Lan - Anh chính thức bùng nổ. Đây là cuộc chiến tranh lần thứ tư giữa hai quốc gia trong suốt các thế kỷ XVII–XVIII. Khác với những cuộc chiến tranh trước đó, cuộc chiến tranh lần này có mối liên hệ mật thiết với chiến tranh của người Mỹ da trắng theo đuổi mục đích độc lập tự do. Với mục đích hỗ trợ từ xa cho chiến tranh Bắc Mỹ, Hà Lan đưa chiến sự ra khắp các chiến trường trên toàn thế giới. Châu Âu, khu vực Tây Ấn, châu Phi và Ấn Độ là những mặt trận diễn ra đụng độ quân sự giữa hai bên. Tuy Hà Lan thất thế ở một số trận đánh nhưng cũng khiến cho giới tướng lĩnh trong Hội đồng hải quân hoàng gia Anh phải tính tới phương án điều quân chi viện. Điều này làm cho quân đội Anh phải căng lực lượng đối phó, tránh việc dồn quân vào chiến trường Bắc Mỹ. Hệ quả là, quân đội cách mạng dưới sự chỉ huy của G. Washington cùng với các tướng lĩnh, như: G.R. Clark, Horatio Gates... từng bước bẻ gãy các đợt tấn công của quân Anh khắp chiến trường Bắc Mỹ. Hơn nữa, sự dính líu trong hoạt động quân sự của Hà Lan khiến cho các vị tướng lĩnh Anh thiếu sáng suốt trong việc hoạch định bước đi cần thiết để dập tắt cuộc nổi dậy của cư dân Bắc Mỹ. Chiến thắng của quân đội cách mạng trong trận Yorktown ngày 19-10-1781 tạo bước ngoặt cho việc thực dân Anh thừa nhận nền độc lập nước Mỹ non trẻ trong hiệp ước Paris gần hai năm sau đó (9-1783).

Điều cần chú ý rằng, trong khi chiến tranh giữa Anh – Hà Lan đang tiến triển, năm 1781, Đại hội lục địa cử John Adams – lúc này đang lưu trú tại Pháp, với tư cách đại diện ngoại giao chính thức tới The Hague. Những cuộc vận động ngoại giao của J. Adams mang tới hiệu quả tức thì. Tháng 4-1782, Hà Lan là quốc gia thứ hai ở lục địa châu Âu (sau Pháp) công nhận nền độc lập nước Mỹ. Không lâu sau, ngày 8-10-1782, hiệp ước thân thiện và thương mại giữa Hà Lan và Mỹ được ký kết. Trước đó, tháng 5-1782, J. Adams giành được khoản vay tín dụng lên tới 5 triệu guilders từ hiệp hội các chủ ngân hàng Amsterdam. Đây là khoản vay đầu tiên trong tổng số 9 triệu guilders (\$3.600.000) mà nước Mỹ non trẻ kiếm được từ nguồn kiều hối của Hà Lan trong thập niên 80 thế kỷ XVIII [10, tr.16]. Nó giải quyết dứt điểm tình trạng lạm phát trầm trọng đang bủa vây nhà nước non trẻ, bổ sung một khoản ngân sách không nhỏ cho việc kiến thiết quốc gia, nâng dần tiềm lực dân tộc. Về vấn đề này, sử gia Mỹ - T. Bailey xem thành quả ngoại giao của J. Adams như: *“Đòn đánh vĩ đại nhất mà tác động tới sự nghiệp của người Mỹ và được xem như quyết định nhất”* [1, tr.41].

Có thể nói rằng, sự công nhận nền độc lập nước Mỹ từ phía Hà Lan góp phần phá vỡ thế cô lập, nâng cao địa vị nhà nước cộng hòa non trẻ trên trường quốc tế, xác nhận tính pháp lý về sự ra đời của một quốc gia đầu tiên của người châu Âu nằm ngoài lãnh địa châu Âu ở khu vực Tây bán cầu.

3. MỘT SỐ NHẬN XÉT

Chiến đấu với đối thủ trong điều kiện không cân sức trên nhiều phương diện, những phần tử cấp tiến trong cơ quan chỉ huy cao nhất của nó – Đại hội lục địa phải hướng ra

bên ngoài để chế Anh nhằm tìm kiếm giúp đỡ. Hà Lan là một trong những điểm đến của họ. Những nỗ lực vay mượn khoản tín dụng tại Amsterdam nhanh chóng đổ vỡ. Thế nhưng, sự vận động của cuộc chiến tranh đưa đẩy Hà Lan tới một vai trò khác. Là tầng lớp thương gia năng động khắp châu Âu và mẫn cảm trước thời cuộc, cuộc tranh Bắc Mỹ đưa tới cơ hội kinh doanh cho họ. Một cách tự nhiên, thương gia vùng đất thấp trở thành người đóng vai trò trung gian vận chuyển khí giới tới chiến trường Bắc Mỹ. Sự leo thang cuộc chiến thì tỷ lệ thuận với nguồn khí tài quân sự. Chính vai trò trung gian của Hà Lan đã giải quyết nhu cầu bức thiết của cuộc chiến đấu cư dân da trắng đang theo đuổi tự do. Trong quá trình này, những thứ vũ khí tân tiến theo chân thương nhân Hà Lan tới chiến trường. Nhờ vậy, đội quân do G. Washington nhanh chóng nắm bắt kỹ thuật chế tác đạn dược phù hợp để phục vụ chiến đấu. Hệ quả là những thắng lợi của lực lượng nổi dậy tạo tiếng vang không chỉ tại châu Mỹ mà còn lan sang cả châu Âu.

Cần phải thấy rằng, chiến tranh giành độc lập của nhân dân Bắc Mỹ chỉ là công việc nội bộ của đế chế Anh nhưng thu hút sự theo dõi của dư luận tiến bộ tại châu Âu. Tầng lớp nhân dân Hà Lan không nằm ngoài guồng quay đó. Bất chấp sự bùng nổ thông tin của giới cầm quyền, tin tức cuộc chiến tới dân chúng sở tại theo những ngã đường khác nhau truyền tới. Họ đồng cảm, chia sẻ với cuộc chiến đấu của cư dân Mỹ, xem đây giống như một “*cuộc đào thoát ra khỏi đế chế Tây Ban Nha*” mà dân chúng ở đây từng trải qua. Nhờ tiếp cận các luồng thông tin cách mạng Mỹ qua những kênh khác nhau mà có không ít nhân vật có tầm ảnh hưởng trong chính trường hình thành thái độ thiện cảm với sự nghiệp của người da trắng phía bên kia Đại Tây Dương. Họ tập hợp thành nhóm chính trị, đảng phái dâng kiến nghị lên Quốc trưởng, Nghị viện. Tiêu biểu là van der Capellen van de Poll, Charles William Frederick Dumas... Hệ quả, chính quyền sở tại từng bước xích lại gần với lực lượng đối lập với nước Anh ở phía bên kia đại dương. Điều quan trọng hơn hết, từ luồng thông tin dư luận, chính phủ Hà Lan là quốc gia thứ hai ở châu Âu, sau Pháp công nhận nền độc lập nước Mỹ.

Chiến tranh không chỉ là cuộc đổ sức bằng súng đạn trên chiến trường mà còn phải tiến hành trên nhiều lĩnh vực khác. Ngoại giao không phải là ngoại lệ. Ngay từ khi bắt đầu cuộc chiến, Đại hội lục địa cử những đại diện ngoại giao tới châu Âu cốt hình thành mặt trận xung kích tuyên truyền sự nghiệp chính nghĩa của họ. Điều này một mặt cô lập những luồng thông tin dư luận tiêu cực về sự nghiệp cách mạng; mặt khác mở rộng tới đa nguồn lực ủng hộ bên ngoài qua đó phá vỡ thế bao vây do đối phương tạo ra. Bài học về ngoại giao cách mạng Mỹ là minh chứng sinh động cho lập luận nói trên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Thomas A. Bailey (1964). *A diplomatic history of the American people* (seventh edition), Division of Meredith publishing company, New York.
- [2] Samuel Bemis (1951). *A diplomatic history of The United States*, Henry Holt and Company, New York.
- [3] Samue Flagg Bemis (1951). *The diplomacy of the American revolution*, Indiana University Press.

- [4] Howard Cincotta (1994). *An outline of American history*, Office of international information programs, United States department of state
- [5] Alexander DeConde (1978). *A history of American foreign policy, Vol 1 (Growth to world power 1700-1914)*, Charles Scribner's Sons, New York.
- [6] Friedrich Edler (1911). *The Dutch republic and the American revolution*, The Johns Hopkins Press.
- [7] Robert H. Ferrel (1975). *American diplomacy: A history*, W.W. Norton & Company Inc. New York.
- [8] J. Franklin Jameson (Jul., 1903). St. Eustatius in the American revolution, *The American historical review*, Vol 8, No. 4, pp. 683-708.
- [9] Lại Bích Ngọc (1997). *Cộng hòa Hà Lan - một thời hoàng kim trên thị trường thế giới*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [10] Thomas G. Paterson, J. Garry Clifford, Kenneth J. Hagan (1995). *American foreign relations: A history to 1920* (fourth edition), D.C. Heath and Company.
- [11] Bradford Perkins (1993). *The Cambridge history of American foreign relations, Vol 1: The Creation of a Republican Empire, 1776-1865*, Cambridge University Press.
- [12] James Breck Perkins (1911). *France in the American revolution*. Houghton Mifflin, Boston.

Title: THE DUTCH REPUBLIC TOWARD THE AMERICAN WAR FOR INDEPENDENCE IN THE PERIOD OF 1775-1783

Abstract: Based on the materials from the U.S archive, the article analyses the Dutch's involvements toward the American war for independence. Firstly, the trans – Atlantic Ocean trade of munitions of war was formed by the inhabitants the United Provinces. In order to have benefit, they carried ammunitions to the North America battlefield. Secondly, the Dutch supported credits loans for the new republic. Finally, public opinion of the Dutch sympathized with American revolutionary ideals.

Keywords: The Dutch republic, American revolution, war for independence.